TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 142/2017/DSPT

Ngày 29/11/2017.

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Doãn Đình Quyến.

- Các Thẩm phán: Ông Trương Công Bình và ông Trịnh Văn Toàn.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Thê – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên toà: Ông Kiều Văn Nghĩa –Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 29/11/2017, Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 129/2017/TLPT ngày 05 tháng 10 năm 2017 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 05/2017/DSST ngày 26/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo bị bà Trần Thị H là bị đơn kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 188/2017/QĐ-PT ngày 15/11/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1964 (Có mặt)

Địa chỉ: Buôn Đ, xã K, huyện E, tỉnh Đắk Lắk

2. Bị đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1964 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

3. Người kháng cáo: Bà Trần Thị H – là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn ông Nguyễn Văn C trình bày:**

Ngày 02 tháng 11 năm 2016, ông Nguyễn Văn C có cho bà Trần Thị H vay số tiền 400.000.000 đồng, hẹn trả trong tháng 11/2016 và ngày 02 tháng 12 năm 2016, bà H tiếp tục vay của ông C số tiền 100.000.000 đồng, hẹn trả trong tháng 12/2016, khi vay bà H có ký giấy xác nhận nợ. Tổng số tiền mà bà H vay của ông C hai lần là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng).

Qua nhiều lần đòi nợ nhưng bà H không trả, nay ông C yêu cầu bà H phải có nghĩa vụ trả lại cho ông C số tiền là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng). Ngoài ra ông C không có yêu cầu nào khác.

***Bị đơn bà Trần Thị H trình bày:** Vào năm 2013 ông Nguyễn Văn C có làm giấy sang nhượng hợp đồng liên doanh liên kết kinh doanh trồng cây cao su của Lâm trường T cho bà Trần Thị H có diện tích là 08 héc ta (80.000m^2) với số tiền là 70.000.000đ/l héc ta x 08 héc ta (80.000m^2) = 560.000.000 đồng (Năm trăm sáu mươi triệu đồng). Nhưng thực tế bà H chưa giao số tiền 560.000.000 đồng cho ông C, vì ông C chưa giao đủ đất (08 héc), sau này bà H có nhận 03 héc đất của ông C và bà H đã giao cho ông C nhiều lần với số tiền là 277.786.000 đồng.

Đối với 02 giấy nợ bà H ký vào ngày 02/11/2016 với số tiền là 400.000.000 đồng và ngày 02/12/2016 với số tiền là 100.000.000 đồng, là do ông C mang đến nói bà H ký để thực hiện hợp đồng chuyển nhượng đất nói trên, nên bà H đã ký, khi ký bà H không đọc nội dung nên không biết là ký giây xác nhận nợ. Bà H công nhận 02 chữ ký trong 02 giấy xác nhận nợ là chữ ký của bà H.

Việc ông C cho rằng bà H có nợ ông C số tiền 500.000.000 đồng là không đúng. Vì bà H không vay tiền của ông C và không nợ nần gì ông C.

*** Người làm chứng Ông Nguyễn Ngọc S trình bày:**

Tôi không chứng kiến việc bà Trần Thị H viết 02 giấy nợ ông Nguyễn Văn C với tổng số tiền là 500.000.000 đồng, nên tôi hoàn toàn không biết gì. Việc bà H khai nói tôi biết việc bà H và ông C ký nhận với nhau là không đúng. Đối với hợp đồng chuyển nhượng đất của Lâm trường T do ông C và bà H ký kết, tôi có biết ông C chuyển nhượng cho bà H.

*** Người làm chứng Ông Nguyễn Thành C trình bày:**

Tôi không chứng kiến việc bà Trần Thị H viết 02 giấy nợ ông Nguyễn Văn C với tổng số tiền là 500.000.000 đồng, nên tôi hoàn toàn không biết gì. Việc bà H khai nói tôi biết việc bà H và ông C ký nhận với nhau là không đúng. Tôi được biết năm 2009 ông C có hợp đồng thuê đất với Lâm trường T để canh tác,

nhưng đến cuối năm 2016 ông C không canh tác nữa nên ông C chuyển giao cho bà H, thì giữa ông C và bà H có có ký hợp đồng chuyển nhượng này, còn việc bà H trả tiền cho ông C chưa thì tôi không biết và việc số tiền mà ông C kiện bà H có liên quan gì đến hợp đồng này hay không thì tôi hoàn toàn không biết.

*** Người làm chứng bà Nguyễn Thị T trình bày:**

Việc ký xác nhận nợ giữa chồng tôi là ông C và bà H thì tôi không trực tiếp chứng kiến. Việc bà H vay tiền của chồng tôi là hoàn toàn đúng sự thật. Tổng số tiền mà bà H nợ chồng tôi là 500.000.000 đồng.

Tại bản án số 05/2017/DSST ngày 26/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo quyết định:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 471; 474 Bộ luật dân sự năm 2005;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C. Buộc bà Trần Thị H trả cho ông Nguyễn Văn C số tiền 500.000.000 đồng. (Năm trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Về án phí: Áp dụng khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 6 Điều 19; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bà Trần Thị H phải chịu 24.000.000 đồng tiền án phí DSST.

Trả lại cho ông Nguyễn Văn C 6.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí do bà Nguyễn Thị T đã nộp thay tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện E, theo biên lai số AA/2014/0039604 ngày 17/01/2017.

Ngày 24/6/2017, Bà Trần Thị H kháng cáo toàn bản án dân sự sơ thẩm với nội dung: Bà H cho rằng bà không nợ ông C số tiền là 500.000.000 đồng và đề nghị Tòa án cấp phuc thẩm xét xử lại để đảm bảo quyền lợi của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông C vẫn giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến của mình và đề nghị Tòa án giải

quyết theo quy định của pháp luật.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:***

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như các đương sự đã tuân thủ đầy đủ và thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

- Xét nội dung kháng cáo của bà Trần Thị H cho rằng giữa bà và ông Nguyễn Văn C không có việc vay mượn tiền với nhau, việc bà H ký vào hai giấy nhận nợ đề ngày 02/11/2016 và ngày 02/12/2016 là do bà không đọc nội dung và việc ký vào giấy trên là có liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng đất giữa bà và ông C, nhận thấy: Việc xác lập giao dịch dân sự giữa bà H và ông C là hoàn toàn tự nguyện, không có sự ép buộc. Bà H không có chứng cứ tài liệu nào chứng minh cho quan điểm của mình là có căn cứ. Những người làm chứng cũng khẳng định không biết sự việc trên. Tại 02 giấy nhận nợ đề ngày ngày 02/11/2016 và ngày 02/12/2016 cũng không thể hiện liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng đất nhận khoán giữa bà và ông C. Nên việc bà H cho rằng bà có ký vào giấy nhận nợ mà không đọc nội dung và không nhận tiền là không có cơ sở. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C là có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụngdân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị H, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 05/2017/DSST ngày 26/5/2017 của tòa án nhân dân huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu thu thập được trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà – Tòa án nhận định như sau:

[1] Về hình thức đơn kháng cáo của bà H được nộp quá thời hạn luật định. Tuy nhiên, tại Quyết định số 32/QĐ-PT ngày 11/8/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã chấp nhận việc kháng cáo quá hạn, bà H đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, nên yêu cầu kháng cáo của bà H được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung**:** Ngày 02/11/2016, ông Nguyễn Văn C và bà H có lập một giấy "xác nhận nợ", với nội dung bà Trần Thị H có nợ của ông Nguyễn Văn C số tiền là 400.000.000 đồng. Thời hạn trả hai bên thỏa thuận là "trong tháng 11 này", tức là trong tháng 11/2016 và các bên cùng ký tên. Tiếp đó, ngày 02/12/2016, các bên lại lập một "giấy nhận nợ" với nội dung bà Trần Thị H có

nợ ông Nguyễn Văn C số tiền là 100.000.000 đồng. Thời hạn trả hai bên thỏa thuận là trong tháng 12/2016 và các bên cùng ký tên. Tuy nhiên, khi hết thời hạn trả nợ, bà H vẫn không trả nợ cho ông C như thỏa thuận nên ông C đã khởi kiện yêu cầu bà H phải trả cho ông số tiền là 500.000.000 đồng.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bà Trần Thị H cho rằng giữa bà và ông Nguyễn Văn C không có việc vay mượn tiền với nhau, việc bà H ký vào hai giấy nhận nợ đề ngày 02/11/2016 và ngày 02/12/2016 là do bà không đọc nội dung và việc ký vào giấy trên là có liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng đất giữa bà và ông C, Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc xác lập giao dịch dân sự giữa bà H và ông C là hoàn toàn tự nguyện, không có sự ép buộc. Bà Trần Thị H là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, bà tự nhận thức được và tự chịu trách nhiệm về hành vi của mình. Bà H cho rằng bà có ký vào giấy nhận nợ mà không đọc nội dung và không nhận tiền là không có cơ sở. Mặc khác, theo bà H, bà ký vào hai giấy nhận nợ trên có liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng đất của lâm trường giữa bà và ông C nhưng bà cũng không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho quan điểm của mình là có căn cứ. Những người làm chứng cũng khẳng định không biết sự việc trên. Tại 02 giấy nhận nợ đề ngày ngày 02/11/2016 và ngày 02/12/2016 cũng không thể hiện liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng đất nhận khoán giữa bà và ông C. Do đó việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C là có căn cứ, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị H, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[4] Về án phí: Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên bị đơn bà Trần Thị H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 471, 474 bộ luật dân sự năm 2005:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 05/2017/DSST ngày 26/5/2017 của Toà án nhân dân huyện Ea H’leo, tỉnh Đắk Lắk.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C. Buộc bà Trần Thị H trả cho ông Nguyễn Văn C số tiền 500.000.000 đồng. (Năm trăm triệu đồng).

Áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 để tính lãi suất trong quá trình thì hành án.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 6 Điều 19; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bà Trần Thị H phải chịu 24.000.000 đồng tiền án phí DSST.

Trả lại cho ông Nguyễn Văn C 6.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí do bà Nguyễn Thị T đã nộp thay tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea H'Leo, theo biên lai số AA/2014/0039604 ngày 17/01/2017.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp theo biên lai số AA/2016/0002020 ngày 28/8/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Ea H'leo;
- TAND huyện Ea H'leo;
- Chi cục THADS huyện E;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Doãn Đình Quyến